TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGHĨA LỘ** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ - ST
Ngày 22/4/2022.
V/v: Tranh chấp về nuôi con của nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ - TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hạnh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lường Thị Hoàn.
2. Ông Hoàng Văn Vĩnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thúy Ngân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Nguyên Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2021/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 11 năm 2021 về: Tranh chấp về nuôi con của nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXX - ST ngày 22 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị T - Sinh năm 1988.
HKTT: Thôn P, xã Ngh Ph, thị xã Ngh, tỉnh Yên Bái.
Chỗ ở hiện nay: Bản Ng, xã Ph S, thị xã Ngh, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Mè Văn Th - Sinh năm 1984.
Địa chỉ: Thôn P, xã Ngh Ph, thị xã Ngh, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/11/2021 và biên bản lấy lời khai ngày 03/12/2021 chị Lường Thị T trình bày: Chị và anh Mè Văn Th tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 nhưng không đi đăng ký kết hôn, hai bên có làm các thủ tục cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống với mẹ đẻ anh Th tại thôn P L, xã Ngh. Quá trình chung sống bình thường được đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai không hòa hợp được với nhau trong lối sống cũng như việc làm ăn kinh tế nên dẫn đến nợ nần từ đó đời sống chung không có hạnh phúc. Đầu năm 2019 do không chịu được cuộc sống chung với anh Th nên chị T đã bỏ về nhà ngoại sống, tuy nhiên do có sự tác động của gia đình và thương các con nên đến cuối năm 2019 chị lại quay về chung sống

nhưng cũng vẫn không thể hàn gắn được nên chị đã về hẳn nhà ngoại ở Bản Ng sinh sống từ tháng 3/2020 đến nay. Chị và anh Th có 03 con chung là Mè H, sinh ngày 29/11/2008, Mè X, sinh ngày 20/5/2010 và Mè Ng, sinh ngày 04/11/2014. Khi mâu thuẫn chị và anh Th đã thỏa thuận với sự chứng kiến của anh em trong gia đình là anh Th sẽ là người nuôi dưỡng cả ba con chung, chị sẽ cấp dưỡng nuôi các con với mức là 600.000đồng/tháng. Các con ở với anh Th nhưng không được quan tâm chăm sóc đầy đủ, thiếu thốn, anh Th mải mê đi làm ăn nên bỏ bê các con và không cho chị đến thăm các con, khi chị đến đón con về chăm sóc thì gây khó khăn. Vì thương các con, để đảm bảo cuộc sống của các con nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung giữa với anh Th theo hướng chị sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mè H và Mè Ng, còn cháu Mè X sẽ do anh Th nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Ngày 16/12/2021 chị T chỉ yêu cầu được nuôi cháu Th còn cháu V và Tr sẽ ở với anh Th.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình chị T đã nộp cho Tòa án chứng cứ, CMND của chị, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh của các con chung.

Tại bản tự khai ngày 14/12/2021 anh Th trình bày: Anh và chị T có chung sống với nhau từ năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị có với nhau 3 con là cháu Mè H V, Mè X Tr và Mè Ng Th. Tháng 5/2020 anh chị chấm dứt chung sống và có làm biên bản thỏa thuận việc nuôi con sẽ do anh Th trực tiếp nuôi dưỡng cả 3 con còn chị T cấp dưỡng 600.000đồng/3con. Trong tháng đầu thì chị T cấp dưỡng 500.000đồng, tháng thứ hai là 300.000đồng, tháng thứ ba cấp dưỡng 200.000đồng rồi dần dần không cấp dưỡng cho con nữa. Anh Th khẳng định vẫn cho chị T thăm nom con đảm bảo. Nay chị T xin nuôi cháu V và Tr anh không đồng ý.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Mè H V, Mè X Tr và Mè Ng Th, các cháu đều có nguyện vọng được ở với bố.

Tòa án tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh Th đã được trưởng thôn bản (đồng thời là anh trai ruột của anh Th) cung cấp: Anh chị Th T chung sống với nhau từ khoảng năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Do có mâu thuẫn về kinh tế nên từ khoảng giữa năm 2020 anh chị đã không còn chung sống với nhau nữa. Anh chị có 03 người con, kể từ khi anh chị không chung sống nữa thì anh Th thường đi làm xa, các con của anh chị do bà nội chăm sóc. Bà tuổi đã cao nên việc chăm sóc các cháu gặp khó khăn trong việc dạy dỗ học tập dẫn đến cháu thứ hai chểnh mảng do thiếu sự quan tâm. Có thời gian chị T về đưa cháu thứ hai lên sống khoảng 1 tháng sau đó anh Th đi làm về lại lên đón về không cho ở cùng mẹ nữa. Anh Th thường cản trở và không cho chị T được thăm các cháu, không muốn các cháu qua lại với mẹ. Việc chị T xin nuôi con thì nên để cho chị T được chăm sóc một trong số các con để đảm bảo tránh tình trạng không có người quan tâm ảnh hưởng đến việc học tập.

Xác minh tại thôn bản nơi chị T hiện đang sinh sống cho biết chị T về sinh sống cùng với mẹ đẻ và em trai từ tháng 5/2020, chị đang làm việc tại địa phương và có thu nhập ổn định từ lao động tự do và làm ruộng. Quá trình sinh sống gia đình chị không có điều tiếng gì và chấp hành tốt các quy định tại nơi cư trú.

Tại công văn trả lời ngày 20/01/2022 của hội phụ nữ xã Ngh Ph xác nhận: Do có mâu thuẫn trong gia đình nên anh chị T Th đã chấm dứt sống chung mặc dù không

đăng ký kết hôn. Theo thỏa thuận thì cả 03 con đều ở với anh Th nhưng anh Th không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con. Các con của anh chị đều trên 7 tuổi nên cần xem xét nguyện vọng của các con. Do anh Th thường xuyên đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương, việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục các con bỏ cho mẹ già đã 85 tuổi, tình hình học tập của các cháu thường xuyên bỏ học đi chơi, việc ăn uống, giáo dục các cháu không được đầy đủ chu đáo. Gia đình anh Th thuộc diện hộ nghèo đặc biệt khó khăn của xã Ngh. Hội đề nghị người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu phải phù hợp với lợi ích của các cháu, đảm bảo được việc nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc đầy đủ theo quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu.

Tại phiên hòa giải ngày 19/02/2022 chị T có ý kiến đề nghị giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mè Ng Th, còn lại các cháu Mè H V và Mè X Tr để cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Th vẫn giữ quan điểm không đồng ý với yêu cầu của chị T, anh cho rằng các con sẽ phải ở với anh.

Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu được nuôi con con Mè Ng Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con Mè Ng Thg cho chị Lường Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; các con Mè H V và Mè X Tr do anh Mè Văn Th nuôi dưỡng. Anh Th và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lường Thị T yêu cầu giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung với bị đơn là anh Mè Văn Th có hộ khẩu thường trú tại Thôn P, xã Ngh, thị xã Nghĩa Lộ, theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ. Chị T và anh Th chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung với anh Th, do vậy Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là: Tranh chấp về nuôi con của nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án anh Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa mở lần thứ hai anh Th vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ vào Điều 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tranh chấp người trực tiếp nuôi con chung:

Chị T và anh Th chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 2006. Theo quy định của khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình thì "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*", do vậy giữa chị T và anh Th không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Chị T và anh Th có 03 con chung là Mè H V, sinh ngày 29/11/2008, Mè X Tr, sinh ngày 20/5/2010 và Mè Ng Th, sinh ngày 04/11/2014. Kể từ tháng 5/2020 anh chị chấm dứt chung sống và tự thỏa thuận việc nuôi dưỡng con chung là do anh Th trực tiếp chăm sóc cả 03 con, chị T cấp dưỡng mức 600.000đ/tháng. Tuy nhiên chị T không cấp dưỡng đầy đủ, tháng có tháng không nhưng vẫn qua lại thăm nom con. Quá trình nuôi dưỡng con chung, do anh Th phải thường xuyên đi làm ăn xa nên các cháu ở nhà cùng với bà nội đã cao tuổi (hơn 80 tuổi), do đó các cháu chủ yếu tự sinh hoạt (thôn bản và hội phụ nữa xác nhận). Do không có bố mẹ trực tiếp chăm sóc, quan tâm hàng ngày nên các con của anh chị thiếu thốn tình cảm, các cháu thường xuyên chơi bời, lêu lổng không chú tâm vào việc học hành dẫn đến chểnh mảng, có cháu đôi khi còn bỏ học. Đặc biệt cháu Th còn nhỏ mới bắt đầu học tiểu học nên rất cần có cha mẹ trực tiếp chăm sóc, dạy dỗ, bảo ban. Chị T đã đón 01 cháu về chăm sóc nhưng sau đó anh Th đã không đồng ý.

Xét về điều kiện kinh tế, cả chị T và anh Th đều làm ruộng và làm tự do thêm những công việc không cố định nên đều có thu nhập. Chị T ở cùng gia đình bên ngoại nhưng cuộc sống ổn định, môi trường sống lành mạnh, từ trước đến nay gia đình đều chấp hành tốt quy định pháp luật và địa phương nơi cư trú. Hiện nay gia đình anh Th là hộ nghèo đặc biệt khó khăn của địa phương, mặc dù anh Th cho rằng anh đủ điều kiện đảm bảo việc nuôi dưỡng các con chung tốt hơn chị T nhưng trên thực tế thì kinh tế gia đình khó khăn, anh không chứng minh được việc mình có thu nhập cao hơn chị T. Việc anh đang phải nuôi 03 con và mẹ già yếu nên rất khó khăn. Ngoài ra anh Th không cho chị T thăm nom con là đã vi phạm quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì con chưa thành niên có quyền sống chung với cha mẹ, được cha mẹ thương yêu, tôn trọng, trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, được học tập và giáp dục, phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức. Nguyện vọng được nuôi con chung của cả chị T và anh Th đều chính đáng phù hợp với quy định của pháp luật. Các con chung đều có nguyện vọng được ở với anh Th, nhưng ý kiến của các cháu không phải là căn cứ duy nhất để làm cơ sở giải quyết vụ án. Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi và nhiều mặt để đảm bảo được tốt nhất cho các con. Hội đồng xét xử thấy rằng con chung của anh chị hiện nay đều không được cha mẹ trực tiếp chăm sóc là đã không được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 70 của Luật Hôn nhân và gia đình *(con chưa thành niên có quyền sống chung với cha mẹ, được cha mẹ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc),* tuy nhiên hai cháu V và Tr đều từ 12 đến 14 tuổi là đã tự thực hiện được những hoạt động sinh hoạt hàng ngày, tự đi học được, còn cháu Th chưa đủ 8 tuổi nên cần sự chăm sóc, chỉ bảo, dạy dỗ hàng ngày của cha mẹ hơn các anh. Do vậy cần giao cháu Th cho chị T là mẹ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc

sẽ phù hợp và tốt hơn để đảm bảo cháu được quan tâm, chăm sóc phát triển lành mạnh và cũng là phù hợp với quan điểm của đại diện cơ quan Hội phụ nữ xã là đề nghị được bảo vệ quyền lợi cho các cháu để các cháu phát triển trong môi trường an toàn và lành mạnh.

Với những nhận định đánh giá như trên Hội đồng xét xử thấy rằng việc yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị T là có cơ sở theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, vì vậy cần giao cháu Mè Ng Th cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Mè H V và Mè X Tr cho anh Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật cũng như đảm bảo được những quyền, lợi ích hợp pháp của các cháu.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không đề nghị anh Th cấp dưỡng nuôi con chung, anh Th cũng không có ý kiến gì về yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lường Thị T.

Xử giao con Mè Ng Th, sinh ngày 04/11/2014 cho chị Lường Thị T, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con Mè H V, sinh ngày 29/11/2008 và Mè X Tr, sinh ngày 20/5/2010 cho anh Mè Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Mè Văn Th và chị Lường Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lường Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng tiền, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001052 ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lường Thị T và anh Mè Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- CCTHADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND xã Ngh Ph, xã Ph TXNL;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hồng Hạnh